TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07-01-2021
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiệt;
2. Bà Huỳnh Ph Lan.

Thư ký phiên toà: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78a/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Ngọc Ph,** sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn M, huyện Ch, t.

(Bà Ph có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Ông **Ngô Lục Đ,** sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn M, huyện Ch, tỉnh K.

(Ông Đ vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-12-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc Ph trình bày: Vào năm 1989, bà và ông Ngô Lục Đ quen biết và cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cải, không hợp nhau về tính tình, cách sống. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông Đ đã ra ngoài sinh sống từ năm 2019 cho đến nay và cũng từ thời gian đó vợ chồng sống ly thân với nhau.

Nay bà xét thấy không còn tình cảm với ông Đ nữa nên bà quyết định ly hôn với ông Ngô Lục Đ.

Về con chung : Trong quá trình chung sống bà và ông Đ có 02 người chung tên Ngô Hồng V, sinh ngày 06-4-1990 và Ngô Bửu Đ2, sinh ngày 14-7-1996, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà có tạo lập được tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Huỳnh Ngọc Ph yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông Ngô Lục Đ.
- Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25-11-2020 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25-12-2020 bị đơn ông Ngô Lục Đ trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Ph về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nay bà Ph yêu cầu xin ly hôn thì ông có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Ngọc Ph.
- Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa ông Đ vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 24-11-2020 bà Huỳnh Ngọc Ph có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Ngô Lục Đ. Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn ông Ngô Lục Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Huỳnh Ngọc Ph và ông Ngô Lục Đ chung sống với nhau vào năm 2007 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là

hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Do đó không công nhận bà Huỳnh Ngọc Ph và ông Ngô Lục Đ là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung:* Bà Huỳnh Ngọc Ph và ông Ngô Lục Đ đều xác nhận trong thời gian chung sống ông, bà có 02 người con chung tên Ngô Hồng V, sinh ngày 06-4-1990 và Ngô Bửu Đ2, sinh ngày 14-7-1996 hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Bà Huỳnh Ngọc Ph và ông Ngô Lục Đ xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX xét thấy do tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] *Về nợ chung*: Bà Huỳnh Ngọc Ph và ông Ngô Lục Đ cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Huỳnh Ngọc Ph là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Ngọc Ph và ông Ngô Lục Đ.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Ngọc Ph và ông Ngô Lục Đ xác nhận hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Ngọc Ph và ông Ngô Lục Đ xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Huỳnh Ngọc Ph và ông Ngô Lục Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Ngọc Ph phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng bà Huỳnh Ngọc Ph được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0006796 ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K; bà Huỳnh Ngọc Ph không phải nộp thêm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Ngọc Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ngô Lục Đ vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- L- u hồ sơ.